



phó từ chỉ ngữ khí

Đúc kết ngữ pháp

(1) 最近你**还**好吗?

Zuìjìn nǐ hái hǎo ma?

(2) 8 点了，你**还**在睡觉。

8 diǎn le, nǐ hái zài shuìjiào.

(3) 姐姐，你**真**美!

Jiějie, nǐ zhēnměi!

(4) 时间过得**真**快!

Shíjiān guò de zhēn kuài!